

Số: /BC-BNN-TS

Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2024

BÁO CÁO

**Tiếp thu, giải trình ý kiến Thành viên Chính phủ
đối với dự thảo Nghị định về một số chính sách phát triển thủy sản**
(thay thế Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ)

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Phúc đáp Công văn số 627/VPCP-NN ngày 25/01/2024 của Văn phòng Chính phủ về việc chuyển ý kiến của các Thành viên Chính phủ đối với dự thảo Nghị định về một số chính sách phát triển thủy sản (sau đây viết tắt là dự thảo Nghị định), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xin tiếp thu, giải trình ý kiến của các Thành viên Chính phủ như sau:

I. TỔNG SỐ Ý KIẾN THÀNH VIÊN CHÍNH PHỦ

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã nhận được ý kiến bằng văn bản của 22/22 Thành viên Chính phủ và Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà, trong đó:

1. Thông qua toàn văn dự thảo Nghị định: Có 22/22 Thành viên Chính phủ và Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà đồng ý thông qua toàn văn dự thảo Nghị định về một số chính sách phát triển thủy sản.

2. Góp ý đối với dự thảo Nghị định: Có 06/22 Thành viên Chính phủ và Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà có ý kiến góp ý đối với dự thảo Nghị định.

II. NỘI DUNG GÓP Ý CỦA CÁC THÀNH VIÊN CHÍNH PHỦ

1. Có 06 Thành viên Chính phủ và Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà góp ý, đề nghị chỉnh sửa, bổ sung, giải trình một số quy định trong dự thảo Nghị định. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xin tiếp thu, giải trình chi tiết tại Bảng tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các Thành viên Chính phủ (gửi kèm theo Báo cáo này).

2. Bên cạnh đó, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã rà soát tổng thể dự thảo Nghị định, chỉnh lý một số nội dung về kỹ thuật, đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và pháp luật có liên quan.

Trên đây là báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến của các Thành viên Chính phủ đối với dự thảo Nghị định về một số chính sách phát triển thủy sản, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kính trình Thủ tướng Chính phủ.

Tài liệu kèm theo:

1. Bảng tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các Thành viên Chính phủ về dự thảo Nghị định.

2. Dự thảo Nghị định sau khi đã được tiếp thu, chỉnh sửa, hoàn thiện theo ý kiến của các Thành viên Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (Như kính gửi);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ trưởng Lê Minh Hoan (để b/c);
- Các Bộ: Tư pháp; Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư; Tài nguyên và Môi trường; Công an; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (để p/h);
- Vụ Pháp chế;
- Cục Kiểm ngư;
- Lưu: VT, TS.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Phùng Đức Tiến

**BẢNG TỔNG HỢP TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý CỦA CÁC THÀNH VIÊN CHÍNH PHỦ
ĐỐI VỚI DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH VỀ MỘT SỐ CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN THỦY SẢN**

(Kèm theo Báo cáo số/BC-BNN-TS ngày tháng năm 2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

1. Số thành viên Chính phủ gửi phiếu đồng ý: 22 phiếu và Ý kiến Phó thủ tướng Trần Hồng Hà
2. Số thành viên Chính phủ gửi phiếu không đồng ý: 0 phiếu
3. Ý kiến khác: 06/22 phiếu và 01 ý kiến của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà

TT	Nội dung dự thảo Nghị định	Ý kiến góp ý của Thành viên Chính phủ	Tiếp thu/ giải trình
1	Ý kiến của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà		
		Đồng ý thông qua sau khi tiếp thu, giải trình theo quy định pháp luật, quy chế làm việc của Chính phủ để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Nghị định đảm bảo khả thi, hiệu quả và đáp ứng kịp thời các yêu cầu thực tiễn đặt ra.	Bộ Nông nghiệp và PTNT xin tiếp thu ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà và đã rà soát, hiệu chỉnh hoàn thiện dự thảo Nghị định đảm bảo khả thi, hiệu quả và đáp ứng kịp thời các yêu cầu thực tiễn đặt ra.
2	Ý kiến của Bộ trưởng Bộ Công an Tô Lâm		
	Điều 9. Hỗ trợ chi phí đào tạo, nâng cao năng lực chuyên môn 1. Đối tượng được hỗ trợ a) Người lao động đang làm việc tại cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống cá biển, nuôi trồng thủy sản trên biển là thành viên của tổ chức nghề nghiệp, tổ chức xã hội được pháp luật công nhận, hợp tác xã, Hiệp hội nuôi biển Việt Nam, Hội nghề cá; b) Thuyền viên làm việc trên tàu cá thuộc đối tượng quy định tại Điều 18, Điều 19, Điều 20 Nghị định này hoặc tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12 mét trở lên là thành viên của tổ đội, hợp tác xã khai thác hải sản, nghiệp đoàn nghề cá, Hội nghề cá; c) Người lao động thực hiện công việc lặn biển, giám sát, quan trắc đa dạng sinh học hệ sinh thái san hô, cỏ biển,	Tại Điều 9 dự thảo Nghị định quy định về hỗ trợ chi phí đào tạo, nâng cao năng lực chuyên môn, đề nghị bổ sung quy định về trình tự thực hiện hỗ trợ để thống nhất với các chính sách hỗ trợ khác và đảm bảo thuận lợi khi triển khai.	Bộ Nông nghiệp và PTNT xin tiếp thu và chỉnh sửa tại khoản 3, khoản 4 Điều 9 dự thảo Nghị định, cụ thể như sau: “3. <i>Mức chi, nội dung chi, kinh phí thực hiện và tổ chức thực hiện theo Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 28/9/2015 quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng.</i> 4. <i>Hàng năm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát, xác định nhu cầu, xây dựng kế hoạch, trình phê duyệt và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, hướng dẫn các đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều này.</i> ”

	rừng ngập mặn, đầm phá, bãi triều - cửa sông, nuôi trồng san hô; d) Người dân là thành viên của tổ chức cộng đồng tham gia thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản. 2. Hỗ trợ 100% chi phí đào tạo, nâng cao năng lực chuyên môn cho các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này. 3. Nội dung chi và mức chi đào tạo, nâng cao năng lực chuyên môn, hướng dẫn kỹ thuật được thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức. 4. Hằng năm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát, xác định nhu cầu, tổ chức đào tạo, nâng cao năng lực chuyên môn, hướng dẫn các đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều này.		
	3. Mức hỗ trợ: Theo giá trị duy tu, sửa chữa nhưng không quá 200 triệu đồng/năm đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét đến dưới 24 mét; 250 triệu đồng/năm đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 24 mét đến dưới 30 mét; 300 triệu đồng/năm đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 30 mét trở lên.	Tại Điều 10 dự thảo Nghị định quy định về hỗ trợ chi phí duy tu, sửa chữa tàu cá vỏ thép, đề nghị quy định cụ thể số lần hỗ trợ chi phí duy tu, sửa chữa định kỳ và có mức tối đa để phù hợp với từng cấp độ duy tu, sửa chữa định kỳ.	Bộ Nông nghiệp và PTNT xin tiếp thu và chỉnh sửa tại khoản 3 Điều 10 dự thảo Nghị định theo hướng quy định 01 lần/1 năm, cụ thể như sau: <i>“3. Mức hỗ trợ: Theo giá trị duy tu, sửa chữa nhưng không quá 200 triệu đồng/lần/năm đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét đến dưới 24 mét; không quá 250 triệu đồng/lần/năm đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 24 mét đến dưới 30 mét; không quá 300 triệu đồng/lần/năm đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 30 mét trở lên.”</i>
3	Ý kiến của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Đặng Quốc Khánh		
		Đề nghị nghiên cứu tiếp thu ý kiến của Tài nguyên và môi trường về về nguồn vốn triển khai chính sách tại Văn bản số 3567/BTNMT-PC ngày 24	Bộ Nông nghiệp và PTNT xin tiếp thu, cụ thể như sau:

		tháng 6 năm 2022 ¹ (Văn bản gửi kèm) nhằm đảm bảo yêu cầu “Đa dạng hóa, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư, bao gồm ngân sách nhà nước, đầu tư tư nhân, đầu tư nước ngoài, viện trợ phát triển phục vụ phát triển bền vững kinh tế biển” tại Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36- NQ/TW ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.	Ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường đã được tiếp thu, đưa vào Điều 13 dự thảo Nghị định. Vấn đề thực hiện các chính sách quy định tại dự thảo Nghị định chỉ là 1 phần vốn đầu tư, tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động thủy sản đầu tư thêm từ 60-70% tổng giá trị đầu tư.
4.	Ý kiến của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Nguyễn Chí Dũng		
	Điều 6. Chính sách đầu tư 1. Ngân sách trung ương: a) Đầu tư 100% kinh phí xây dựng các kết cấu hạ tầng thiết yếu của dự án đầu tư: Cảng cá loại I; khu neo đậu tránh trú bão cấp vùng; cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão tại các đảo, quần đảo. Hỗ trợ tối đa 90% kinh phí đầu tư xây dựng các kết cấu hạ tầng thiết yếu đối với dự án đầu tư cảng cá loại II và khu neo đậu tránh trú bão cấp tỉnh. Ưu tiên xây dựng, nâng cấp công trình tại các đảo và cảng cá thuộc các Trung tâm nghề cá lớn; b) Đầu tư 100% kinh phí xây dựng các kết cấu hạ tầng	1. Tại Dự thảo Nghị định có các nội dung quy định bố trí vốn đầu tư công hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân, do đó để đảm bảo tính khả thi, phù hợp quy định pháp luật về đầu tư công, đề nghị: (a) Rà soát, báo cáo cấp thẩm quyền bổ sung quy định đảm bảo các đối tượng hỗ trợ thuộc đối tượng đầu tư công theo quy định tại Điều 5 Luật Đầu tư công; (b) Rà soát và quy định rõ về trình tự lập, thẩm định, phê duyệt và giao vốn đầu tư công cho các	Bộ Nông nghiệp và PTNT xin tiếp thu đã rà soát và giải trình, làm rõ như sau: (a) Về bổ sung quy định đảm bảo các đối tượng hỗ trợ thuộc đối tượng đầu tư công theo quy định tại Điều 5 Luật Đầu tư công: Điều 6 dự thảo Nghị định về chính sách đầu tư đã quy định rõ đối tượng được ngân sách nhà nước đầu tư là “các kết cấu hạ tầng thiết yếu của dự án đầu tư”, phù hợp đối tượng đầu tư công quy định tại khoản 1 Điều 5 Luật Đầu tư công là “Đầu tư chương

¹ Nội dung góp ý về nguồn vốn triển khai chính sách tại Văn bản số 3567/BTNMT-PC:

“ - Việc quy định 100% nguồn vốn triển khai các chính sách đầu tư, hỗ trợ phát triển thủy sản sử dụng từ Ngân sách nhà nước: xem xét, sửa đổi để bảo đảm đúng yêu cầu của Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Bởi Kế hoạch này yêu cầu: đa dạng hóa, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư, bao gồm ngân sách nhà nước, đầu tư tư nhân, đầu tư nước ngoài, viện trợ phát triển phục vụ phát triển bền vững kinh tế biển.

- Xác định cụ thể nguồn vốn cho các hoạt động xác định trong Dự thảo Nghị định là nguồn vốn nào. Trong trường hợp sử dụng vốn đầu tư công cho các hoạt động trong Dự thảo Nghị định thì các nội dung thực hiện, hạng mục chi cần phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công và thực hiện Dự án theo quy định triển khai Dự án đầu tư công ngân sách nhà nước.

Do vậy, cần rà soát lại các loại hình đầu tư từ nguồn ngân sách trung ương và địa phương nhằm phát huy hiệu quả nguồn lực và mở rộng sự tham gia, huy động, đa dạng hóa nguồn lực kinh phí từ các thành phần kinh tế khác.”

	thiết yếu của dự án đầu tư vùng nuôi trồng thủy sản tập trung, vùng nuôi trồng thủy sản trên biển, vùng sản xuất giống thủy sản tập trung, vùng sản xuất giống thủy sản phục vụ nuôi trồng thủy sản trên biển; c) Đầu tư 100% kinh phí xây dựng hệ thống quan trắc, cảnh báo môi trường, dịch bệnh trong nuôi trồng thủy sản quốc gia; trung tâm khảo nghiệm, kiểm nghiệm, kiểm định nuôi trồng thủy sản cấp Trung ương, cấp vùng và thực hiện nhiệm vụ kiểm định, kiểm chứng nuôi trồng thủy sản; d) Đầu tư 100% kinh phí xây dựng hạng mục hạ tầng thiết yếu của dự án đầu tư khu bảo tồn biển.	đối tượng được hỗ trợ phù hợp với pháp luật đầu tư công nhằm đảm bảo tính khả thi của chính sách.	trình, dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội”. (b) Về rà soát và quy định “trình tự lập, thẩm định, phê duyệt và giao vốn đầu tư công cho các dự án đầu tư”: Nội dung về trình tự lập, thẩm định, phê duyệt và giao vốn đầu tư công cho các dự án đầu tư đã được quy định tại Luật Đầu tư công và Nghị định số 40/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công nên không cần phải quy định tại Nghị định này. Do đó, không cần thiết phải bổ sung nội dung này tại dự thảo Nghị định.
		2. Điều 6 (chính sách đầu tư): - Tại điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 có nêu “Vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương trong nước bổ sung có mục tiêu cho địa phương được phân bổ cho dự án có quy mô từ nhóm B trở lên...”. Do đó, đề nghị rà soát, bổ sung nội dung trên vào Điều này để đảm bảo việc bố trí vốn đầu tư công phù hợp Nghị quyết 973/2020/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.	Bộ Nông nghiệp và PTNT xin giải trình như sau: Nghị quyết 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chỉ quy định cho giai đoạn 2021-2025; không cho toàn bộ thời hiệu của Nghị định. Mặt khác, tại khoản 3 Điều 6 đã quy định: “Trình tự, thủ tục đầu tư các chương trình, dự án thực hiện theo các quy định của pháp luật về Đầu tư công” (không chỉ có Luật Đầu tư công). Vì vậy, Bộ Nông nghiệp và PTNT đề nghị giữ nguyên như dự thảo.
		- Tại khoản 2 Điều 6 quy định nội dung “...<i>duy tu, bảo trì hàng năm các kết cấu hạ tầng thủy sản và chi phí bộ máy quản lý kết cấu hạ tầng thủy sản được đầu tư trên địa bàn.</i>”. Các nhiệm vụ chi trên sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Do đó, khoản 3 Điều 6 chỉ quy định “trình tự, thủ tục đầu tư các chương trình, dự án theo các quy định của	Bộ Nông nghiệp và PTNT xin tiếp thu và chỉnh sửa lại khoản 3 Điều 6 dự thảo Nghị định, cụ thể như sau: “3. <i>Trình tự, thủ tục đầu tư các chương trình, dự án và các nội dung khác thực hiện theo các quy định của Luật Ngân sách nhà nước và pháp luật về Đầu tư công</i>”.

		<i>pháp luật về đầu tư công</i> ” là chưa phù hợp và không khả thi.	
	Điều 7. Hỗ trợ một lần sau đầu tư 1. Đối tượng được hỗ trợ: Tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng mới cơ sở nuôi trồng thủy sản trên biển (bao gồm cơ sở nuôi cá biển, nhuyễn thể, tôm hùm, rong biển); tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng mới cơ sở sản xuất giống cá biển; tổ chức, cá nhân thực hiện chuyển đổi vật liệu truyền thống sang sử dụng vật liệu phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn quốc gia, thân thiện với môi trường làm lồng bè nuôi trồng thủy sản trên biển; tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng mới cảng cá. 2. Tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng mới cơ sở nuôi trồng thủy sản trên biển được hỗ trợ một lần sau đầu tư khi đáp ứng các điều kiện: a) Đã được cấp phép nuôi trồng thủy sản trên biển và được giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản; b) Quy mô nuôi tối thiểu 05 ha hoặc có tối thiểu 10 lồng bè nuôi cá biển (thể tích lồng bè tối thiểu 1.000 m³/lồng bè) hoặc công suất tối thiểu 300 tấn sản phẩm nuôi/năm); c) Sử dụng vật liệu phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn quốc gia, thân thiện với môi trường làm lồng bè nuôi trồng thủy sản trên biển; d) Sử dụng tối thiểu 30% số lao động làm việc tại cơ sở có đăng ký thường trú tại tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương, nơi chủ cơ sở thực hiện nuôi trồng thủy sản trên biển; đ) Dự án đầu tư xây dựng mới được hoàn thành và đưa vào hoạt động sau khi Nghị định này có hiệu lực thi hành. 3. Tổ chức, cá nhân đầu tư mới cơ sở sản xuất giống cá biển được hỗ trợ một lần sau đầu tư khi đáp ứng các điều kiện: a) Được chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản;	3. Điều 7 (Hỗ trợ một lần sau đầu tư): - Đề nghị làm rõ quy định, cách thức xác định về dự án đầu tư xây dựng mới “hoàn thành và đưa vào sử dụng” tại điểm d, khoản 2 để làm căn cứ phục vụ công tác nghiệm thu dự án.	Bộ Nông nghiệp và PTNT xin giải trình, làm rõ như sau: Để xác định được dự án đầu tư xây dựng mới đã “hoàn thành và đưa vào sử dụng” làm căn cứ phục vụ công tác nghiệm thu dự án, điểm d khoản 7 Điều 7 dự thảo Nghị định lấy ý kiến thành viên Chính phủ về hồ sơ nghiệm thu đã thể hiện rõ bằng việc tổ chức, cá nhân cung cấp cho cơ quan thẩm định, nghiệm thu các thành phần hồ sơ thể hiện dự án đã hoàn thành và cơ quan thẩm định, nghiệm thu sẽ thẩm tra hồ sơ, kiểm tra thực tế (<i>Bản sao chứng thực hồ sơ thiết kế, hồ sơ xây dựng, hồ sơ hoàn công, hồ sơ quyết toán, hoá đơn tài chính của dự án đầu tư xây dựng mới</i>). Tại dự thảo tiếp thu ý kiến thành viên Chính phủ, việc xác định dự án đầu tư xây dựng mới đã “hoàn thành và đưa vào sử dụng” được quy định tại khoản 8 cụ thể như sau: “8. Nghiệm thu, quyết định hỗ trợ a) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ : Báo cáo kiểm toán độc lập đối với chi phí xây dựng, chi phí mua sắm thiết bị công trình và thiết bị công nghệ của công trình, hạng mục công trình dự kiến được hỗ trợ theo quy định tại Nghị định này; Hồ sơ quyết toán công trình, hạng mục công trình dự kiến được hỗ trợ; báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh quý gần nhất. b) Trình tự thực hiện hỗ trợ: tổ chức thẩm định mức độ hoàn thành

b) Công suất sản xuất tối thiểu 05 triệu con giống/năm; c) Dự án đầu tư xây dựng mới được hoàn thành và đưa vào hoạt động sau khi Nghị định này có hiệu lực thi hành. 4. Tổ chức, cá nhân được hỗ trợ một lần sau đầu tư khi thực hiện chuyển đổi vật liệu truyền thống sang sử dụng vật liệu phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn quốc gia, thân thiện với môi trường làm lồng bè nuôi trồng thủy sản trên biển khi đáp ứng các điều kiện sau: a) Đã được cấp phép nuôi trồng thủy sản trên biển và được giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản; b) Sử dụng vật liệu phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn quốc gia, thân thiện với môi trường làm lồng bè nuôi trồng thủy sản trên biển;		<i>công trình, hạng mục công trình được hỗ trợ, tình trạng hoạt động của dự án, ...; kiểm tra thực tế cơ sở đề nghị hỗ trợ, ...”.</i>
c) Dự án được hoàn thành và đưa vào hoạt động sau khi Nghị định này có hiệu lực thi hành. 5. Tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng mới cảng cá được áp dụng chính sách hỗ trợ một lần sau đầu tư khi đáp ứng các điều kiện:	- Đề nghị rà soát, làm rõ “Quyết định chủ trương đầu tư” tại điểm b, khoản 5 là theo quy định pháp luật nào để thực hiện thống nhất, phù hợp;	Bộ Nông nghiệp và PTNT xin tiếp thu và đã bỏ thành phần hồ sơ “Quyết định chủ trương đầu tư” tại khoản 5 dự thảo Nghị định.
áp dụng chính sách hỗ trợ một lần sau đầu tư khi đáp ứng các điều kiện: a) Cảng cá thuộc quy hoạch hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050; b) Có quyết định chủ trương đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; c) Dự án đầu tư xây dựng mới được hoàn thành và đưa vào hoạt động sau khi Nghị định này có hiệu lực thi hành. 6. Mức hỗ trợ: a) Tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng mới cơ sở nuôi trồng thủy sản trên biển: 01 triệu đồng cho 01 m³ lồng bè nuôi cá biển ở vùng biển ngoài 06 hải lý, ven đảo theo quy định nhưng không quá 15 tỷ đồng; 0,5 triệu đồng cho 01 m³ lồng bè nuôi cá biển ở vùng biển từ 03 đến 06 hải lý theo quy định nhưng không quá 07 tỷ đồng/cơ sở. Hỗ trợ không quá 40% giá trị chi phí xây dựng kết cấu hạ tầng	- Đề nghị quy định mức hỗ trợ tối đa chi phí xây dựng kết cấu hạ tầng tại điểm a, b, d khoản 6 ở mức 30% để phù hợp, thống nhất với mức hỗ trợ đã được quy định tại Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 57/2018/NĐ-CP về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.	Bộ Nông nghiệp và PTNT xin tiếp thu và đã chỉnh sửa tại điểm a b, d khoản 6 Điều 7 dự thảo Nghị định, cụ thể như sau: “6. Mức hỗ trợ: a) Tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng mới cơ sở nuôi trồng thủy sản trên biển: <i>Hỗ trợ tối đa 30% chi phí đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật của cơ sở nhưng không quá 15 tỷ đồng/cơ sở đối với cơ sở nuôi cá biển ở vùng biển ngoài 06 hải lý, ven đảo theo quy định, 07 tỷ đồng/cơ sở đối với cơ sở nuôi cá biển ở vùng biển từ 03- 06 hải lý theo quy định. Hỗ trợ không quá 30% giá trị chi phí xây dựng kết cấu hạ tầng của cơ sở nuôi nhuyễn thể, tôm hùm, rong biển ở vùng biển ngoài 03 hải lý, nhưng không quá 01 tỷ đồng/cơ sở;</i>

của cơ sở nuôi nhuyễn thể, rong biển, tôm hùm ở vùng biển ngoài 03 hải lý, nhưng không quá 01 tỷ đồng/cơ sở; b) Tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng mới cơ sở sản xuất giống cá biển: hỗ trợ không quá 40% giá trị chi phí xây dựng kết cấu hạ tầng của cơ sở, nhưng không quá 15 tỷ đồng/cơ sở; c) Tổ chức, cá nhân thực hiện chuyển đổi vật liệu truyền thống sang sử dụng vật liệu phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn quốc gia, thân thiện với môi trường làm lồng bè nuôi trồng thủy sản trên biển: 0,5 triệu đồng cho 01 m³ lồng bè nuôi cá biển ở vùng biển ngoài 06 hải lý, ven đảo theo quy định nhưng không quá 07 tỷ đồng; 0,3 triệu đồng cho 01 m³ lồng bè nuôi cá biển ở vùng biển từ 03 đến 06 hải lý theo quy định nhưng không quá 05 tỷ đồng; d) Tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư xây dựng mới cảng cá được hỗ trợ không quá 40% chi phí xây dựng kết cấu hạ tầng của dự án, tối đa 15 tỷ đồng/dự án.		b) Tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng mới cơ sở sản xuất giống cá biển: <i>Hỗ trợ không quá 30% giá trị chi phí xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật của cơ sở, nhưng không quá 15 tỷ đồng/cơ sở;</i> c)..... d) Tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư xây dựng mới cảng cá được <i>hỗ trợ tối đa 30% chi phí xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật của dự án nhưng 15 tỷ đồng/dự án.</i>”
7. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ : a) Đơn đề nghị hỗ trợ một lần sau đầu tư (theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này); b) Bản sao Giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển (đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản trên biển thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn); bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống cá biển (đối với cơ sở sản xuất giống cá biển bố mẹ); c) Bản sao Quyết định giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản (đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản trên biển thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Bộ Tài nguyên và Môi trường); d) Bản sao chứng thực Quyết định chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng mới cảng cá);	- Tại Điều này quy định tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tới Sở Kế hoạch và Đầu tư để được nghiệm thu hỗ trợ, tuy nhiên chưa quy định về nội dung nghiệm thu. Về quy định hỗ trợ một phần chi phí xây dựng, cần đưa ra phương thức tính toán, căn cứ xác định đơn giá, định mức hỗ trợ để cơ quan nhà nước có căn cứ nghiệm thu hỗ trợ. Ngoài ra, nên quy định việc thành lập hội đồng nghiệm thu với các thành phần cụ thể để đảm bảo trách nhiệm, tính chặt chẽ trong quá trình nghiệm thu hỗ trợ.	Bộ Nông nghiệp và PTNT xin tiếp thu và đã chỉnh sửa, bổ sung tại khoản 7, khoản 8 Điều 7 dự thảo Nghị định, cụ thể như sau: <i>“7. Thẩm tra và tổng hợp nhu cầu hỗ trợ</i> <i>a) Căn cứ điều kiện hỗ trợ quy định tại Nghị định này, tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đề xuất hỗ trợ tới Sở Kế hoạch và Đầu tư nơi thực hiện dự án.</i> <i>b) Hồ sơ đề xuất hỗ trợ đầu tư: Đơn đề nghị hỗ trợ một lần sau đầu tư (theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này); Đề xuất dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư hoặc báo cáo nghiên cứu tiền khả thi của dự án theo quy định pháp luật về xây dựng.</i> <i>c) Thẩm tra đề xuất hỗ trợ:</i> <i>Trong thời gian không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan thẩm tra điều kiện hỗ trợ, dự kiến mức vốn hỗ trợ cho dự án. Văn bản thẩm tra hỗ trợ đầu tư theo</i>

đ) Bản sao chứng thực hồ sơ thiết kế, hồ sơ xây dựng, hồ sơ hoàn công, hồ sơ quyết toán, hoá đơn tài chính của dự án đầu tư xây dựng mới cơ sở nuôi trồng thủy sản trên biển/dự án đầu tư xây dựng mới cơ sở sản xuất giống cá biển/dự án chuyển đổi vật liệu truyền thống sang sử dụng vật liệu phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn quốc gia, thân thiện với môi trường làm lồng bè nuôi trồng thủy sản trên biển/ dự án đầu tư xây dựng mới cảng cá. 8. Trình tự thực hiện hỗ trợ: a) Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với đơn vị có liên quan tổ chức thẩm định hồ sơ, nguồn vốn, khả năng cân đối vốn hỗ trợ, kiểm tra thực tế cơ sở đề nghị hỗ trợ, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Quyết định hỗ trợ một lần sau đầu tư (theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này). Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt Quyết định hỗ trợ một lần sau đầu tư, gửi cho tổ chức, cá nhân và Kho bạc nhà nước cấp tỉnh; đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài chính. Trường hợp tổ chức, cá nhân không đủ điều kiện được nhận hỗ trợ, Sở Kế hoạch và Đầu tư trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do; b) Trường hợp các dự án được Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định đạt yêu cầu nhưng không được hỗ trợ vì lý do không cân đối được nguồn vốn hỗ trợ, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi danh mục dự án đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài chính xem xét, hỗ trợ và thông báo cho tổ chức, cá nhân;		<i>Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này gửi tới tổ chức, cá nhân đề nghị hỗ trợ; Trường hợp không đáp ứng điều kiện hỗ trợ, Sở Kế hoạch và Đầu tư trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</i> <i>d) Căn cứ nhu cầu phát triển kinh tế xã hội, tình hình phát triển sản xuất tại địa phương và tổng hợp kết quả thẩm tra đề xuất hỗ trợ tại điểm c khoản này (nếu có), Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp nhu cầu vốn hằng năm, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định kế hoạch đầu tư công hằng năm vốn ngân sách nhà nước gồm danh mục và mức vốn hỗ trợ từng dự án.</i> <i>Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm gửi các thông tin về quá trình tổng hợp, quyết định kế hoạch đầu tư công hằng năm tới Sở Tài chính và tổ chức, cá nhân để thực hiện thủ tục thanh toán hỗ trợ quy định tại Điều 15 Nghị định này.</i> <i>8. Nghiệm thu, quyết định hỗ trợ</i> <i>Sau khi hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật của cơ sở kiến được hỗ trợ hoàn thành, tổ chức, cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị nghiệm thu hỗ trợ tới Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nơi thực hiện dự án.</i> <i>a) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ :</i> <i>Đơn đề nghị hỗ trợ một lần sau đầu tư (theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này); Bản sao Giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển (đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản trên biển thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn); bản sao Giấy chứng nhận đủ</i>
--	--	---

c) Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp tỉnh thực hiện thủ tục đăng ký sử dụng tài khoản tại Kho bạc nhà nước theo quy định của pháp luật để thực hiện thanh toán kinh phí hỗ trợ một lần sau đầu tư cho tổ chức, cá nhân thụ hưởng chính sách; d) Thanh toán kinh phí hỗ trợ: Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định hỗ trợ, Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp tỉnh lập Hồ sơ giải ngân gửi tới Sở giao dịch Kho bạc Nhà nước/Kho bạc Nhà nước. Thành phần hồ sơ giải ngân gồm: (1) Kế hoạch vốn hằng năm (đối với nguồn vốn đầu tư công) hoặc dự toán năm (đối với kinh phí thường xuyên) được cấp có thẩm quyền giao; (2) Quyết định phê duyệt dự án đầu tư của cấp có thẩm quyền (nếu hình thành dự án đầu tư) hoặc quyết định hỗ trợ của cấp có thẩm quyền phê duyệt; (3) Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư theo quy định tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ (nếu có); (4) Chứng từ chuyển tiền theo quy định tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ (đối với vốn đầu tư công) hoặc tại Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ (đối với nguồn kinh phí thường xuyên); đ) Sở giao dịch Kho bạc Nhà nước/Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh chịu trách nhiệm giải ngân khoản hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân được hỗ trợ trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ giải ngân hợp lệ. 9. Quyết toán nguồn vốn: Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp tỉnh tổ chức, thực hiện việc quyết toán nguồn vốn thực hiện Nghị định này theo niên độ ngân sách hàng năm. a) Đối với kinh phí hỗ trợ bố trí từ kế hoạch đầu tư công, việc quyết toán nguồn vốn thực hiện theo quy định tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của		<i>điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống cá biển (đối với cơ sở sản xuất giống cá biển bố mẹ); Bản sao Quyết định giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản (đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản trên biển thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Bộ Tài nguyên và Môi trường); Báo cáo kiểm toán độc lập đối với chi phí xây dựng, chi phí mua sắm thiết bị công trình và thiết bị công nghệ của công trình, hạng mục công trình dự kiến được hỗ trợ theo quy định tại Nghị định này; Hồ sơ quyết toán công trình, hạng mục công trình dự kiến được hỗ trợ; báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh quý gần nhất.</i> <i>b) Trình tự thực hiện hỗ trợ:</i> <i>Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành lập Hội đồng thẩm định có đại diện Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Xây dựng và đại diện các sở, ngành, địa phương có liên quan; tổ chức thẩm định mức độ hoàn thành công trình, hạng mục công trình được hỗ trợ, tình trạng hoạt động của dự án, việc đáp ứng điều kiện hỗ trợ và mức hỗ trợ theo quy định tại Nghị định này, nguồn vốn, khả năng cân đối vốn hỗ trợ; kiểm tra thực tế cơ sở đề nghị hỗ trợ, lập Biên bản nghiệm thu (theo mẫu tại Phụ lục ... ban hành kèm theo Nghị định này); trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Quyết định hỗ trợ một lần sau đầu tư (theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này).</i>
---	--	---

	Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công; b) Đối với kinh phí hỗ trợ bố trí từ dự toán chi thường xuyên, việc quyết toán nguồn vốn thực hiện theo quy định hiện hành.		<i>Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt Quyết định hỗ trợ một lần sau đầu tư, gửi cho tổ chức, cá nhân thụ hưởng, Sở Tài chính và Sở giao dịch Kho bạc Nhà nước/Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh; đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài chính.</i> <i>Trường hợp tổ chức, cá nhân không đủ điều kiện được nhận hỗ trợ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tư trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;</i> <i>Trường hợp các dự án được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định đạt yêu cầu nhưng không được hỗ trợ vì lý do không cân đối được nguồn vốn hỗ trợ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi danh mục dự án đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài chính xem xét, hỗ trợ và thông báo cho tổ chức, cá nhân.</i>
		- Tại điểm d, khoản 8 (Thanh toán kinh phí hỗ trợ): Đề nghị giao Sở Tài chính thực hiện thanh toán kinh phí hỗ trợ để phù hợp hơn theo chức năng, nhiệm vụ, đảm bảo tính khách quan khi đánh giá, quyết định hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân.	Bộ Nông nghiệp và PTNT xin tiếp thu và đã chỉnh sửa tại khoản 9 Điều 7 dự thảo Nghị định, cụ thể: <i>“9. Thanh toán kinh phí hỗ trợ</i> <i>a) Căn cứ kế hoạch đầu tư công hằng năm và quyết định hỗ trợ đầu tư, tổ chức, cá nhân nộp văn bản đề nghị thanh toán hỗ trợ đến Sở Tài chính nơi thực hiện dự án để được giải ngân khoản vốn hỗ trợ. Văn bản</i>

			đề nghị thanh toán hỗ trợ theo Mẫu số 06 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này. b) Sở Tài chính thực hiện thủ tục đăng ký sử dụng tài khoản theo quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực Kho bạc Nhà nước để thực hiện thanh toán kinh phí hỗ trợ một lần sau đầu tư cho tổ chức, cá nhân thụ hưởng chính sách. c) Trên cơ sở đề nghị thanh toán hỗ trợ của doanh nghiệp, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với doanh nghiệp rà soát và lập Hồ sơ giải ngân gửi tới Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ khi nhận được đề nghị thanh toán hỗ trợ của doanh nghiệp....”
		- Tại khoản 9 (Quyết toán nguồn vốn): Đề nghị rà soát, quy định phù hợp việc quyết toán vốn, do đặc thù phần vốn nhà nước hỗ trợ một phần cho dự án, còn lại là phần vốn bố trí là của tổ chức, cá nhân. Do đó nếu quy định việc quyết toán vốn toàn bộ dự án theo quy định của Nhà nước là khó khả thi	Bộ Nông nghiệp và PTNT xin tiếp thu và đã chỉnh sửa tại khoản 10 Điều 7 dự thảo Nghị định, cụ thể như sau: “10. <u>Quyết toán hỗ trợ</u>: a) <u>Quyết toán nguồn vốn</u>: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức, thực hiện việc quyết toán kinh phí hỗ trợ một lần sau đầu tư tại Điều 7 Nghị định này theo năm ngân sách (quyết toán nguồn vốn theo niên độ) theo quy định về quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo niên độ được quy định tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công; b) Các dự án được hỗ trợ thực hiện quyết toán dự án đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng. Người quyết định phê duyệt dự án đầu tư (hoặc người

			được ủy quyền theo quy định) căn cứ kết quả kiểm toán quyết toán của đơn vị kiểm toán độc lập (hoặc báo cáo kiểm toán của Kiểm toán nhà nước, kết luận của cơ quan thanh tra) để phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.”
Điều 8, 10, 11, 12, 18, 19, 20 dự thảo Nghị định	4. Chính sách hỗ trợ tại các Điều 8, 10, 11, 12, 18, 19, 20 quy định ngân sách nhà nước hỗ trợ trực tiếp cho các tổ chức, cá nhân với các mức, tỷ lệ hỗ trợ khác nhau. Để đảm bảo phù hợp, gắn quyền lợi với trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong thực hiện các nhiệm vụ phát triển thủy sản, <i>đề nghị rà soát, quy định tỷ lệ hỗ trợ tối đa (khoảng 50%), đồng thời có quy định mức hỗ trợ tối đa và quy định cụ thể về nội dung nghiệm thu, đơn giá, định mức để làm căn cứ nghiệm thu hỗ trợ.</i>	Bộ Nông nghiệp và PTNT đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định và xin giải trình như sau: 1. Về chính sách hỗ trợ tại Điều 8 a) Nội dung hỗ trợ tại Điều này là hỗ trợ chi phí bảo hiểm cho người lao động. 02 nội dung hỗ trợ (kinh phí mua bảo hiểm thân tàu, mua bảo hiểm rủi ro đối với tài sản của cơ sở nuôi trồng thủy sản trên biển) là đã ở mức tối đa 50%. Riêng kinh phí mua bảo hiểm tai nạn thuyền viên cho mỗi thuyền viên làm việc trên tàu cá (mức 100%) do kế thừa từ Nghị định 67/2014/NĐ-CP, đồng thời, kinh phí mua bảo hiểm tai nạn cho lao động làm việc tại cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống cá biển và nuôi trồng thủy sản trên biển (mức 70%) nhằm đảm bảo an sinh xã hội cho đối tượng là ngư dân nghèo làm việc ở trên tàu, trên các cơ sở ương dưỡng, nuôi trồng thủy sản. b) Trình tự, thủ tục hỗ trợ đã được quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 8 dự thảo Nghị định để đảm bảo phù hợp với sản phẩm bảo hiểm do doanh nghiệp bảo hiểm xây dựng và quy định của pháp luật về bảo hiểm. Do đó, việc đề nghị quy định cụ thể về nội dung nghiệm thu, đơn giá, định mức để làm căn cứ nghiệm thu hỗ trợ là không cần thiết.	

			2. Về chính sách hỗ trợ tại Điều 10 a) Dự thảo Nghị định đã quy định cụ thể mức hỗ trợ theo giá trị tuyệt đối (200 triệu, 250 triệu, 300 triệu) nhằm khắc phục những bất cập liên quan đến hỗ trợ chi phí theo mức % tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP. Do đó, đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định. b) Trình tự, thủ tục hỗ trợ đã được quy định tại khoản 5 Điều 10 dự thảo Nghị định. Do đó, việc đề nghị quy định cụ thể về nội dung nghiệm thu, đơn giá, định mức để làm căn cứ nghiệm thu hỗ trợ là không cần thiết. 3. Về chính sách hỗ trợ tại Điều 11 a) Dự thảo Nghị định đã quy định cụ thể mức hỗ trợ theo giá trị tuyệt đối (500 triệu, 1 tỷ, 2 tỷ...). Do đó, đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định. b) Trình tự, thủ tục hỗ trợ đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định. Vì: Việc quy định trách nhiệm của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở địa phương “rà soát, xác định, tổng hợp nhu cầu hỗ trợ” là phù hợp vì đây là những cơ quan có thẩm quyền công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (khoản 2, Điều 10 Luật Thủy sản) và là cơ quan nhận báo cáo hoạt động của tổ chức cộng đồng định kỳ hằng năm (khoản 1, Điều 6 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019). Từ những nội dung được hỗ trợ quy định tại Điều 11, cơ quan nhà nước (Sở Nông nghiệp và PTNT) sẽ làm việc trực tiếp với các tổ chức cộng đồng để xác định, tổng hợp
--	--	--	--

			nhu cầu, mức hỗ trợ phù hợp với điều kiện thực tế và quy định sử dụng ngân sách Nhà nước, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Quy định như trên sẽ giảm bớt thủ tục hành chính, phù hợp với năng lực còn hạn chế của người dân tham gia thực hiện đồng quản lý, chủ yếu là ngư dân; và tăng tính chủ động của cơ quan nhà nước góp phần thúc đẩy, hỗ trợ người dân tham gia thực hiện đồng quản lý. 4. Về chính sách hỗ trợ tại Điều 12 a) Về mức hỗ trợ: Dự thảo đã quy định tỷ lệ mức hỗ trợ một lần một người tối đa là 100% kinh phí đào tạo nghề mới. Quy định này là phù hợp để khuyến khích ngư dân khai thác vùng biển ven bờ chuyển đổi nghề, giảm cường lực khai thác xa bờ. Tuy nhiên, Bộ Nông nghiệp và PTNT xin tiếp thu một phần về định mức hỗ trợ quy định tại điểm a khoản 3 dự thảo Nghị định. Theo đó, mức hỗ trợ được dẫn chiếu theo quy định Luật Việc làm và quy định của Chính phủ về hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động địa phương có căn cứ thực hiện (<i>mức hỗ trợ được xác định tùy theo từng theo từng loại hình đào tạo</i>). b) Trình tự, thủ tục hỗ trợ đã được quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 12 dự thảo Nghị định. Do đó, việc đề nghị quy định cụ thể về nội dung nghiệm thu, đơn giá, định mức để làm căn cứ nghiệm thu hỗ trợ là không cần thiết.
--	--	--	---

Điều 13. Nguồn vốn và cơ chế thực hiện chính sách 1. Nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn a) Bao gồm nguồn vốn đầu tư công, kinh phí thường xuyên theo phân cấp ngân sách hiện hành từ ngân sách trung ương, ngân sách địa phương và các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình đầu tư công, vốn của các ngành, các chương trình, dự án liên quan theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công; b) Các Bộ, ngành, địa phương được huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện các chính sách theo quy định tại Nghị định này; c) Các địa phương chủ động bố trí vốn ngân sách địa phương (bao gồm nguồn vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ) để đầu tư các dự án theo đúng phân cấp và đúng nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền quyết định trong từng thời kỳ; d) Các địa phương chủ động cân đối được nguồn vốn ngân sách do địa phương quản lý được thực hiện đầu tư các công trình, dự án thuộc đối tượng được ngân sách Trung ương đầu tư, hỗ trợ đầu tư. đ) Khuyến khích các Bộ, ngành trung ương và địa phương thu hút các nguồn vốn hợp pháp khác tham gia đầu tư, hỗ trợ đầu tư các chương trình, dự án đầu tư lĩnh vực thủy sản thuộc đối tượng được ngân sách nhà nước đầu tư, hỗ trợ đầu tư. 2. Kinh phí thực hiện các chính sách được quy định tại Điều 6, Điều 7, điểm a khoản 2 Điều 11, Điều 18, Điều 19, Điều 20 Nghị định này được bố trí từ nguồn vốn đầu tư công hoặc các nguồn kinh phí hợp pháp khác. 3. Kinh phí thực hiện các chính sách được quy định tại Điều 8, Điều 9, Điều 10, điểm b, điểm c khoản 2 Điều 11, Điều 12 Nghị định này được bố trí từ nguồn chi thường xuyên hoặc các nguồn kinh phí hợp pháp khác.	Tại Khoản 2 Điều 13 quy định “Kinh phí thực hiện các chính sách được quy định tại Điều 6, Điều 7, điểm a khoản 2 Điều 11, Điều 18, Điều 19, Điều 20 Nghị định này được bố trí từ nguồn vốn đầu tư công hoặc các nguồn kinh phí hợp pháp khác”. Tuy nhiên có một số nội dung chưa rõ khái niệm như: - Nội dung Điều 18 quy định về trình tự, thủ tục xác nhận rủi ro, nguyên nhân khách quan và giao các ngân hàng thương mại cơ cấu thời hạn trả nợ, hỗ trợ lãi suất mà chưa rõ các nội dung, thủ tục về hỗ trợ vốn đầu tư công. - Nội dung Điều 19 quy định cơ chế chuyển nhượng tàu cá, xử lý tiền thu được từ việc bán tàu mà chưa rõ các nội dung, thủ tục về hỗ trợ vốn đầu tư công. - Nội dung Điều 20 quy định về Điều khoản chuyển tiếp khác như: Thời gian hỗ trợ duy tu, sửa chữa tàu các vỏ thép; hỗ trợ kinh phí bảo hiểm; hỗ trợ lãi suất và hỗ trợ kinh phí hoạt động thường xuyên cho các tổ chức cộng đồng mà chưa rõ các nội dung, thủ tục về hỗ trợ vốn đầu tư công. Do đó, đề nghị rà soát, làm rõ đối tượng, mức hỗ trợ, trình tự, thủ tục sử dụng vốn đầu tư công cho các đối tượng tại Điều 18, 19, 20 đảm bảo khả thi, phù hợp với pháp luật đầu tư công.	Bộ Nông nghiệp và PTNT xin tiếp thu và chỉnh sửa khoản 2, khoản 3 Điều 13 dự thảo Nghị định, cụ thể như sau: <i>“2. Kinh phí thực hiện các chính sách được quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 10, điểm a, b khoản 2 Điều 11, điểm c khoản 3 Điều 12, khoản 4 Điều 20 Nghị định này được bố trí từ nguồn vốn đầu tư công hoặc các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.”</i> <i>3. Kinh phí thực hiện các chính sách được quy định tại Điều 8, Điều 9, Điều 10, điểm c khoản 2 Điều 11, điểm a, b khoản 3 Điều 12 Nghị định này được bố trí từ nguồn chi thường xuyên hoặc các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.”</i>
--	--	--

4. Ngân sách trung ương: a) Thực hiện chính sách quy định tại khoản 1 Điều 6; cấp bù lãi suất cho các ngân hàng thương mại cho vay để đóng mới, nâng cấp tàu khai thác và tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ cho các đối tượng quy định tại Điều 18, Điều 19 Nghị định này; b) Hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách địa phương thực hiện các chính sách quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 10, Điều 11, Điều 12 Nghị định này theo nguyên tắc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương thực hiện các chính sách an sinh xã hội do Trung ương ban hành trong từng thời kỳ. 5. Ngân sách địa phương thực hiện các chính sách quy định tại khoản 2 Điều 6, Điều 9, điểm d khoản 1 Điều này.		
Điều 20. Các quy định chuyển tiếp khác 1. Tổ chức, cá nhân đang được thụ hưởng các chính sách quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản và các văn bản sửa đổi, bổ sung trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành tiếp tục được thụ hưởng đến hết thời hạn của chính sách. 2. Thời gian hỗ trợ duy tu, sửa chữa tàu cá vỏ thép đối với chủ tàu vay vốn đóng mới, nâng cấp tàu theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ được thực hiện trong suốt thời gian vay vốn hỗ trợ lãi suất (tối đa 11 năm đối với trường hợp đóng mới tàu vỏ gỗ hoặc nâng cấp tàu; tối đa 16 năm đối với đóng mới tàu vỏ thép hoặc vỏ vật liệu mới). 3. Nhà nước tiếp tục hỗ trợ kinh phí mua bảo hiểm trong suốt thời gian vay vốn của chủ tàu theo quy định tại Nghị định 67/2014/NĐ-CP (bao gồm cả thời gian được cơ cấu lại thời hạn trả nợ do nguyên nhân bất khả kháng theo quy định tại Điều 18 Nghị định này).	Nội dung Điều 20 quy định về Điều khoản chuyển tiếp về “hỗ trợ kinh phí hoạt động thường xuyên cho các tổ chức cộng đồng mà chưa rõ các nội dung, thủ tục về hỗ trợ vốn đầu tư công”. Do đó, đề nghị rà soát, làm rõ đối tượng, mức hỗ trợ, trình tự, thủ tục sử dụng vốn đầu tư công cho các đối tượng tại Điều 20 đảm bảo khả thi, phù hợp với pháp luật đầu tư công.	Bộ Nông nghiệp và PTNT xin giải trình và làm rõ như sau: Khoản 5 Điều 20 dự thảo Nghị định quy định “hỗ trợ kinh phí hoạt động thường xuyên cho tổ chức cộng đồng tại điểm c khoản 2 Điều 11”, nguồn vốn xác định để thực hiện chính sách quy định tại điểm c khoản 2 Điều 11 được bố trí từ nguồn chi thường xuyên hoặc các nguồn kinh phí hợp pháp khác (theo quy định tại khoản 3 Điều 14 dự thảo Nghị định). Theo đó, nguồn hỗ trợ cho quy định tại khoản 5 Điều 20 không thuộc vốn đầu tư công.

	4. Các chủ tàu vay vốn đóng mới, nâng cấp tàu khai thác hải sản xa bờ, dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ theo quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ (bao gồm cả các tàu đã được chuyển đổi chủ tàu theo quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung và chủ tàu nhận chuyển nhượng tàu vay vốn theo quy định tại Nghị định này) tiếp tục được hưởng hỗ trợ lãi suất theo mức hỗ trợ lãi suất đang áp dụng trong suốt thời gian được hưởng hỗ trợ lãi suất còn lại (bao gồm cả thời gian được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ theo quy định tại Điều 18 Nghị định này). 5. Đối với tổ chức cộng đồng đã được công nhận và giao quyền quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản theo quy định tại Luật Thủy sản trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực, thời gian được hưởng hỗ trợ kinh phí hoạt động thường xuyên cho tổ chức cộng đồng tại điểm c khoản 1 Điều 11 được tính từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.		
	Điều 14. Trách nhiệm của các Bộ, ngành 2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư: a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các địa phương tổng hợp nhu cầu vốn đầu tư công theo kế hoạch trung hạn, hàng năm hoặc đột xuất để thực hiện các chính sách theo quy định tại Nghị định này, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. b) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện vốn đầu tư công của các chính sách theo quy định tại Nghị định này. 	5. Về trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Điểm b khoản 2 Điều 14 quy định “b) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện vốn đầu tư công của các chính sách theo quy định tại Nghị định này”. Tuy nhiên, các nội dung quy định tại Nghị định liên quan đến thủ tục hành chính với các tổ chức, cá nhân, do đó đề nghị rà soát, quy định rõ tại Nghị định này. Ngoài ra, nội dung về trách nhiệm “kiểm tra, giám sát” tại điểm này trùng lặp với nhiệm vụ của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn tại điểm b, khoản 2 Điều 14. Do đó, đề nghị chỉnh sửa theo hướng Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan phối hợp thực hiện	Bộ Nông nghiệp và PTNT xin tiếp thu và chỉnh sửa tại điểm b khoản 2 Điều 14 dự thảo Nghị định, cụ thể như sau: <i>“b) Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các địa phương hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách theo quy định tại Nghị định này”</i>
5	Bộ trưởng Bộ Tư pháp Lê Thành Long		

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Nghị định này quy định chính sách để phát triển thủy sản, gồm: 1. Chính sách đầu tư. 2. Chính sách hỗ trợ: a) Hỗ trợ một lần sau đầu tư; b) Hỗ trợ chi phí bảo hiểm; c) Hỗ trợ chi phí duy tu, sửa chữa tàu vỏ thép; d) Hỗ trợ chi phí đào tạo, nâng cao năng lực; đ) Hỗ trợ thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản; e) <i>Hỗ trợ chuyển đổi nghề khai thác thủy sản vùng biển ven bờ.</i>	1. Về phạm vi điều chỉnh Dự thảo Nghị định quy định phạm vi điều chỉnh đối với “hỗ trợ chuyển đổi nghề khai thác thủy sản vùng biển ven bờ” là nằm ngoài các chính sách đã được thông qua tại Công văn số 9361/VPCP-NN ngày 22/12/2021 của Văn phòng Chính phủ về việc đề nghị xây dựng Nghị định về một số chính sách phát triển thủy sản của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Tuy nhiên, tại Tờ trình số 7963/TTr-BNN-TCTS ngày 25/11/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về dự thảo Nghị định <i>chưa giải trình, thuyết minh rõ cơ sở, lý do bổ sung thêm chính sách này.</i> Đồng thời tại Báo cáo đánh giá tác động chính sách số 7764/BC-BNN-TCTS ngày 18/11/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cũng <i>chưa làm rõ, cụ thể vướng mắc, bất cập; nguyên nhân của những vướng mắc, bất cập (do quy định pháp luật hay do tổ chức thi hành pháp luật hay do cả hai);</i> mục tiêu giải quyết những vướng mắc, bất cập. <i>Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp chặt chẽ với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các Bộ, ngành có liên quan tiếp tục rà soát, nghiên cứu kỹ, cụ thể hóa đúng và đầy đủ các chính sách đã được phê duyệt theo đề nghị xây dựng Nghị định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Công văn số 9361/VPCP-NN ngày 22/12/2021 của Văn phòng Chính phủ về việc đề nghị xây dựng Nghị định về một số chính sách phát triển thủy sản của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Công văn số 8335/BNN-TCTS ngày 09/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc báo cáo tiếp thu hoàn thiện đề xuất xây dựng Nghị định về</i>	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xin giải trình như sau: Tại Tờ trình số 7963/TTr-BNN-TCTS ngày 25/11/2022 (mục I.2; I.5; IV.2) và Báo cáo đánh giá tác động chính sách số 7764/BC-BNN-TCTS ngày 18/11/2022 (mục II.9), Bộ Nông nghiệp và PTNT đã đề cập và đánh giá cụ thể tác động của chính sách chuyển đổi nghề. Do đó, việc bổ sung đánh giá tác động đối với chính sách này là không cần thiết.
--	---	--

		một số chính sách phát triển thủy sản; Tờ trình số 3758/TTr-BNN-TCTS ngày 18/6/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về đề nghị xây dựng Nghị định về một số chính sách phát triển thủy sản); bổ sung đầy đủ nội dung đánh giá tác động đối với chính sách mới (nếu có), giải trình rõ từng chính sách hỗ trợ trong dự thảo Nghị định (và chịu trách nhiệm về vấn đề này) trước khi Chính phủ xem xét thông qua, ban hành Nghị định; đảm bảo tính công khai, minh bạch, hiệu quả, khả thi của chính sách, phù hợp với yêu cầu thực tiễn, nguồn lực của Nhà nước và tuân thủ đúng quy định pháp luật.	
	Điều 5. Nguyên tắc thực hiện 1. Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho tổ chức, cá nhân quy định tại Nghị định này là mức hỗ trợ tối đa, mức hỗ trợ cụ thể do cơ quan có thẩm quyền quyết định căn cứ vào khả năng cân đối của ngân sách nhà nước. 2. Trong cùng một thời gian, nếu tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng được hưởng hỗ trợ tại Nghị định này mà trùng với các quy định khác của pháp luật có liên quan thì tổ chức, cá nhân được lựa chọn chính sách có mức ưu đãi, hỗ trợ có lợi nhất. 3. Trường hợp nhiều tổ chức, cá nhân cùng đáp ứng điều kiện hỗ trợ theo quy định của Nghị định này thì ưu tiên lựa chọn tổ chức, cá nhân do phụ nữ làm chủ và sử dụng nhiều lao động nữ hơn.	2. Về nguyên tắc thực hiện Tại Mục II.4 Báo cáo số 7765/BC-BNN-TCTS về việc tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp (đối với nội dung tại Mục II.2.2 Báo cáo thẩm định số 169/BCTĐ-BTP), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiếp thu và “đã chỉnh lý đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Ngân sách Nhà nước tại Điều 5 của dự thảo Nghị định theo hướng quy định mức hỗ trợ tối thiểu”. Tuy nhiên, dự thảo Nghị định trình Chính phủ ngày 12/12/2023 vẫn quy định “<i>mức hỗ trợ tối đa</i>”. Do đó, đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, rà soát, chỉnh lý và hoàn thiện nội dung, đảm bảo tính khả thi của dự thảo Nghị định với quy định pháp luật ngân sách nhà nước và pháp luật khác có liên quan	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định và giải trình như sau: Sau khi rà soát, xem xét tính phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, ý kiến góp ý của các Bộ ngành, cho thấy: Hiện nay, mức hỗ trợ tại các chính sách đều quy định ở mức tối đa, điều này cũng phù hợp với các chính sách mà Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang xây dựng và trình Chính phủ. Căn cứ vào mức tối đa, căn cứ vào tình hình kinh phí thực tế, các địa phương có thể quyết định mức phù hợp với điều kiện thực tế. Chính vì vậy, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xin phép đề nguyên tắc hỗ trợ là mức hỗ trợ tối đa thay vì tối thiểu.
	Điều 11. Hỗ trợ thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản 1. Đối tượng hỗ trợ:	3. Về hỗ trợ thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản Điều 11 dự thảo Nghị định quy định nội dung hỗ trợ thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản gồm đối tượng hỗ trợ; nội dung và mức	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định và giải trình như sau: Về trình tự, thủ tục hỗ trợ: Đã được quy định tại khoản 3, 4, 5 Điều 11 dự thảo Nghị định.

Tổ chức cộng đồng theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Luật Thủy sản được hỗ trợ một (01) lần khi tham gia thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản. 2. Nội dung và mức hỗ trợ: a) Hỗ trợ kinh phí sửa chữa, nâng cấp nhà sinh hoạt cộng đồng, mức hỗ trợ không quá 500 triệu đồng/tổ chức cộng đồng; b) Hỗ trợ kinh phí mua sắm trang thiết bị thiết yếu cho hoạt động của tổ chức cộng đồng bao gồm: máy tính để bàn, máy in đen trắng; máy ảnh, ống nhòm, tàu tuần tra; phao tiêu, biển báo, đèn hiệu đánh dấu khu vực thực hiện đồng quản lý, mức hỗ trợ không quá 01 tỷ đồng/tổ chức cộng đồng; c) Hỗ trợ kinh phí hoạt động thường xuyên của tổ chức cộng đồng trong thời gian tối thiểu 03 năm kể từ ngày tổ chức cộng đồng được công nhận và giao quyền quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản, bao gồm các hoạt động chủ yếu sau: thuê chuyên gia hỗ trợ hoạt động của tổ chức cộng đồng; tổ chức hội nghị cộng đồng hằng năm; chi phí nhiên liệu thực hiện tuần tra trên thủy vực; tái tạo nguồn lợi thủy sản; phục hồi môi trường sống của các loài thủy sản; truyền thông, tập huấn nâng cao năng lực cộng đồng; thu thập thông tin về hoạt động khai thác thủy sản, về môi trường sống của loài thủy sản tại khu vực được giao quyền quản lý, mức hỗ trợ không quá 02 tỷ đồng/tổ chức cộng đồng.	hỗ trợ; trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh và cấp huyện; thành phần hồ sơ giải ngân. Tuy nhiên, chính sách này chưa được quy định cụ thể về hồ sơ đề nghị hỗ trợ và trình tự, thủ tục thực hiện; đồng thời trong các Phụ lục đính kèm dự thảo Nghị định cũng không có mẫu đơn đề nghị hỗ trợ thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản giống như các chính sách hỗ trợ khác tại dự thảo Nghị định (Các chính sách hỗ trợ khác tại dự thảo Nghị định: Hỗ trợ một lần sau đầu tư; Hỗ trợ chi phí bảo hiểm; Hỗ trợ chi phí duy tu, sửa chữa tàu cá vỏ thép; Hỗ trợ chuyển đổi nghề khai thác thủy sản vùng biển ven bờ). Việc quy định trách nhiệm của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở địa phương “rà soát, xác định, tổng hợp nhu cầu hỗ trợ” và “trường hợp không hỗ trợ phải thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do” khi không có đề nghị bằng văn bản/hồ sơ của tổ chức cộng đồng tham gia đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản; không có thủ tục, lộ trình rà soát, tổng hợp nhu cầu hỗ trợ cụ thể sẽ khó xác định được căn cứ để cơ quan có thẩm quyền trả lời bằng văn bản và/hoặc xem xét, quyết định hỗ trợ đối với từng trường hợp cụ thể.	Theo đó, việc quy định trách nhiệm của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở địa phương “rà soát, xác định, tổng hợp nhu cầu hỗ trợ” là phù hợp vì Sở Nông nghiệp và PTNT là những cơ quan có thẩm quyền công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (khoản 2, Điều 10 Luật Thủy sản) và là cơ quan nhận báo cáo hoạt động của tổ chức cộng đồng định kỳ hằng năm (khoản 1, Điều 6 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019). Từ những nội dung được hỗ trợ quy định tại Điều 11, Sở sẽ làm việc trực tiếp với các tổ chức cộng đồng để xác định, tổng hợp nhu cầu, mức hỗ trợ phù hợp với điều kiện thực tế và quy định sử dụng ngân sách Nhà nước, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. quy định này sẽ giảm bớt thủ tục hành chính, phù hợp với năng lực còn hạn chế của người dân tham gia thực hiện đồng quản lý, chủ yếu là ngư dân; và tăng tính chủ động của cơ quan nhà nước góp phần thúc đẩy, hỗ trợ người dân tham gia thực hiện đồng quản lý.
3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát, xác định, tổng hợp nhu cầu hỗ trợ thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản đối với tổ chức cộng đồng được công nhận và giao quyền quản lý theo quy định tại điểm a, điểm c khoản 2 Điều 10 Luật Thủy sản, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt danh sách hỗ trợ (theo mẫu tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định này) trước ngày 31 tháng 10 hằng năm. Trường hợp không đủ	Bên cạnh đó, đối với quy định thời hạn hỗ trợ kinh phí hoạt động thường xuyên của tổ chức cộng đồng tại khoản 3 Điều 11 dự thảo Nghị định, đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát, đánh giá và cân nhắc chỉnh lý theo hướng quy định thời hạn hỗ trợ “tối đa” thay vì hỗ trợ “tối thiểu 03 năm” để giới hạn, xác định rõ thời gian thực hiện hỗ trợ chính sách, đảm bảo chặt chẽ	Bộ Nông nghiệp và PTNT xin tiếp thu và chỉnh sửa tại điểm c khoản 2 Điều 11 dự thảo Nghị định, cụ thể như sau: <i>“c) Hỗ trợ kinh phí hoạt động thường xuyên của tổ chức cộng đồng trong thời gian tối đa 03 năm kể từ ngày tổ chức cộng đồng được công nhận và giao quyền quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản....”</i>

điều kiện hỗ trợ phải thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do. 4. Ủy ban nhân dân cấp huyện rà soát, xác định, tổng hợp nhu cầu hỗ trợ thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản đối với tổ chức cộng đồng được công nhận và giao quyền quản lý theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 10 Luật Thủy sản, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt danh sách hỗ trợ (theo mẫu tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định này) trước ngày 31 tháng 10 hằng năm. Trường hợp không hỗ trợ phải thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do. 5. Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh (đối với đối tượng được quy định tại khoản 3 Điều này) hoặc Kho bạc Nhà nước cấp huyện (đối với đối tượng được quy định tại khoản 4 Điều này) chịu trách nhiệm giải ngân khoản hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân được hỗ trợ trong thời hạn không quá 12 tháng kể từ khi nhận được quyết định hỗ trợ. 6. Thành phần hồ sơ giải ngân gồm: (1) Kế hoạch vốn hằng năm (đối với nguồn vốn đầu tư công) hoặc dự toán năm (đối với kinh phí thường xuyên) được cấp có thẩm quyền giao cho đơn vị được giao nhiệm vụ rút dự toán từ ngân sách để hỗ trợ cho tổ chức cộng đồng; (2) Quyết định phê duyệt dự án đầu tư của cấp có thẩm quyền (nếu hình thành dự án đầu tư) hoặc quyết định phê duyệt danh sách hỗ trợ thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản của cấp có thẩm quyền; (3) Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư theo quy định tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ (nếu hình thành dự án đầu tư); (4) Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành giữa đơn vị được giao nhiệm vụ với đại diện tổ chức cộng đồng (khi thanh toán khối lượng hoàn thành đối với nội dung hỗ trợ về hàng hóa, trang thiết bị, sửa chữa nâng cấp nhà sinh hoạt cộng đồng) (theo mẫu tại Phụ lục IX); (5) Chứng từ chuyển tiền.	trong việc dự kiến, bố trí, sử dụng nguồn lực Nhà nước và lộ trình tổ chức, thực hiện.	
---	---	--

Điều 13. Nguồn vốn và cơ chế thực hiện chính sách 1. Nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn a) Bao gồm nguồn vốn đầu tư công, kinh phí thường xuyên theo phân cấp ngân sách hiện hành từ ngân sách trung ương, ngân sách địa phương và các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình đầu tư công, vốn của các ngành, các chương trình, dự án liên quan theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công; b) Các Bộ, ngành, địa phương được huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện các chính sách theo quy định tại Nghị định này; c) Các địa phương chủ động bố trí vốn ngân sách địa phương (bao gồm nguồn vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ) để đầu tư các dự án theo đúng phân cấp và đúng nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền quyết định trong từng thời kỳ; d) Các địa phương chủ động cân đối được nguồn vốn ngân sách do địa phương quản lý được thực hiện đầu tư các công trình, dự án thuộc đối tượng được ngân sách Trung ương đầu tư, hỗ trợ đầu tư. đ) Khuyến khích các Bộ, ngành trung ương và địa phương thu hút các nguồn vốn hợp pháp khác tham gia đầu tư, hỗ trợ đầu tư các chương trình, dự án đầu tư lĩnh vực thủy sản thuộc đối tượng được ngân sách nhà nước đầu tư, hỗ trợ đầu tư. 2. Kinh phí thực hiện các chính sách được quy định tại Điều 6, Điều 7, điểm a khoản 2 Điều 11, Điều 18, Điều 19, Điều 20 Nghị định này được bố trí từ nguồn vốn đầu tư công hoặc các nguồn kinh phí hợp pháp khác. 3. Kinh phí thực hiện các chính sách được quy định tại Điều 8, Điều 9, Điều 10, điểm b, điểm c khoản 2 Điều 11, Điều 12 Nghị định này được bố trí từ nguồn chi thường xuyên hoặc các nguồn kinh phí hợp pháp khác.	4. Về tổ chức thực hiện - Nội dung của dự thảo Nghị định có liên quan nhiều đến trách nhiệm của các Sở, ban, ngành tại địa phương trong việc xem xét, thẩm định, quyết định việc hỗ trợ nói chung và quy mô, cách thức, mức hỗ trợ cụ thể nói riêng. Do vậy, để có thể kiểm tra, giám sát, kiểm soát chặt chẽ việc đầu tư, hỗ trợ tổ chức, cá nhân trong phát triển thủy sản; đảm bảo chặt chẽ, công khai, minh bạch, công bằng giữa các đối tượng, chủ thể, tránh bị lạm dụng trong thực tiễn, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, nghiên cứu, hoàn thiện dự thảo Nghị định theo hướng bổ sung cơ chế kiểm tra, giám sát, lượng hóa tối đa các điều kiện, tiêu chí trong việc xem xét, quyết định các mức hỗ trợ cụ thể. Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát, cân nhắc bổ sung cụm từ “theo quy định pháp luật” vào sau các nội dung về nguồn vốn và cơ chế thực hiện chính sách tại dự thảo Nghị định (ví dụ như quy định tại điểm b, điểm đ khoản 1; khoản 2; khoản 3 Điều 13 dự thảo Nghị định) để đảm bảo việc huy động, thu hút, bố trí nguồn vốn thực hiện chính sách đầu tư, hỗ trợ phát triển thủy sản tuân thủ đúng quy định pháp luật.	Bộ Nông nghiệp và PTNT xin tiếp thu, bổ sung cụm từ “<i>theo quy định của pháp luật</i>” vào sau các nội dung về nguồn vốn định tại điểm b, điểm đ khoản 1; khoản 2; khoản 3 Điều 13 dự thảo Nghị định, cụ thể như sau: “Điều 13. Nguồn vốn và cơ chế thực hiện chính sách 1. Nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn b) Các Bộ, ngành, địa phương được huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện các chính sách tại Nghị định này <i>theo quy định của pháp luật</i>; d) Các địa phương chủ động cân đối được nguồn vốn ngân sách do địa phương quản lý được thực hiện đầu tư các công trình, dự án thuộc đối tượng được ngân sách Trung ương đầu tư, hỗ trợ đầu tư <i>theo quy định của pháp luật</i>; 2. Kinh phí thực hiện các chính sách được quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 10, điểm a, b khoản 2 Điều 11, điểm c khoản 3 Điều 12, khoản 4 Điều 20 Nghị định này được bố trí từ nguồn vốn đầu tư công hoặc các nguồn kinh phí hợp pháp khác <i>theo quy định của pháp luật</i>. 3. Kinh phí thực hiện các chính sách được quy định tại Điều 8, Điều 9, Điều 10, điểm c khoản 2 Điều 11, điểm a, b khoản 3 Điều 12 Nghị định này được bố trí từ nguồn chi thường xuyên hoặc các nguồn kinh phí hợp pháp khác <i>theo quy định của pháp luật</i>.”
--	--	---

4. Ngân sách trung ương: a) Thực hiện chính sách quy định tại khoản 1 Điều 6; cấp bù lãi suất cho các ngân hàng thương mại cho vay để đóng mới, nâng cấp tàu khai thác và tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ cho các đối tượng quy định tại Điều 18, Điều 19 Nghị định này; b) Hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách địa phương thực hiện các chính sách quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 10, Điều 11, Điều 12 Nghị định này theo nguyên tắc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương thực hiện các chính sách an sinh xã hội do Trung ương ban hành trong từng thời kỳ. 5. Ngân sách địa phương thực hiện các chính sách quy định tại khoản 2 Điều 6, Điều 9, điểm d khoản 1 Điều này.		
Điều 20. Các quy định chuyển tiếp khác 1. Tổ chức, cá nhân đang được thụ hưởng các chính sách quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản và các văn bản sửa đổi, bổ sung trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành tiếp tục được thụ hưởng đến hết thời hạn của chính sách. 2. Thời gian hỗ trợ duy tu, sửa chữa tàu cá vỏ thép đối với chủ tàu vay vốn đóng mới, nâng cấp tàu theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ được thực hiện trong suốt thời gian vay vốn hỗ trợ lãi suất (tối đa 11 năm đối với trường hợp đóng mới tàu vỏ gỗ hoặc nâng cấp tàu; tối đa 16 năm đối với đóng mới tàu vỏ thép hoặc vỏ vật liệu mới). 3. Nhà nước tiếp tục hỗ trợ kinh phí mua bảo hiểm trong suốt thời gian vay vốn của chủ tàu theo quy định tại Nghị định 67/2014/NĐ-CP (bao gồm cả thời gian được cơ cấu lại thời hạn trả nợ do nguyên nhân bất khả kháng theo quy định tại Điều 18 Nghị định này).	5. Đề nghị tiếp tục rà soát các quy định chuyển tiếp để xử lý cho phù hợp, tránh phát sinh bất cập, vướng mắc khi triển khai áp dụng. Ví dụ: Đối với các quy định chuyển tiếp tại Điều 20 dự thảo Nghị định, đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát, cân nhắc chỉnh lý theo hướng tách thành các điều khoản độc lập, riêng biệt nhằm đảm bảo tính rõ ràng, cụ thể của các quy định pháp luật. Đối với các nội dung về tín dụng, ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm là vấn đề thuộc chức năng quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước, Bộ Tài chính, đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp tục chủ trì, phối hợp chặt chẽ với Ngân hàng nhà nước, Bộ Tài chính rà soát, chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Nghị định, đảm bảo tuân thủ đúng quy định pháp luật về tín dụng, ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm.	Bộ Nông nghiệp và PTNT xin tiếp thu, rà soát điều khoản chuyển tiếp. Theo đó, nội dung tại Điều 20 dự thảo Nghị định đã đưa ra 5 khoản theo nhóm chính sách lớn, vừa bảo đảm tính đại diện, vừa có tính tổng thể để tránh bỏ sót đối với các chính sách đã được thực hiện theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung Nghị định này.

	4. Các chủ tàu vay vốn đóng mới, nâng cấp tàu khai thác hải sản xa bờ, dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ theo quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ (bao gồm cả các tàu đã được chuyển đổi chủ tàu theo quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung và chủ tàu nhận chuyển nhượng tàu vay vốn theo quy định tại Nghị định này) tiếp tục được hưởng hỗ trợ lãi suất theo mức hỗ trợ lãi suất đang áp dụng trong suốt thời gian được hưởng hỗ trợ lãi suất còn lại (bao gồm cả thời gian được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ theo quy định tại Điều 18 Nghị định này). 5. Đối với tổ chức cộng đồng đã được công nhận và giao quyền quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản theo quy định tại Luật Thủy sản trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực, thời gian được hưởng hỗ trợ kinh phí hoạt động thường xuyên cho tổ chức cộng đồng tại điểm c khoản 1 Điều 11 được tính từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.		
	Điều 7, Điều 10 dự thảo Nghị định	6. Một số ý kiến khác của Bộ Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 169/BCTĐ-BTP chưa được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp thu, giải trình đầy đủ như: Quy định về tỷ lệ sử dụng lao động (điểm d khoản 2 Điều 7) và tỷ lệ mức hỗ trợ chi phí hạ tầng nuôi (điểm a khoản 6 Điều 7); Chính sách hỗ trợ một lần chi phí duy tu, sửa chữa tàu cá vỏ thép (Điều 10) ... Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp tục nghiên cứu các ý kiến góp ý, thẩm định để hoàn thiện dự thảo Nghị định; đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, chặt chẽ về mặt pháp lý trong chính dự thảo Nghị định và với các văn bản/dự	Bộ Nông nghiệp và PTNT đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định và giải trình, làm rõ như sau: 1. Về tỷ lệ sử dụng lao động: Trước đây đã được quy định tại Nghị định 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Ngày 10/3/2023, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 208/QĐ-TTg phê duyệt Đề án chuyển đổi một số nghề khai thác hải sản ảnh hưởng đến nguồn lợi và môi trường sinh thái, qua đó nhiều lao động khai thác thủy sản ven bờ sẽ chuyển sang nuôi trồng thủy

		thảo văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Trong quá trình tổng hợp, tham vấn ý kiến của Bộ, ngành, địa phương, nếu phát sinh vướng mắc, bất cập cần có quy định để điều chỉnh nhưng không thuộc thẩm quyền của Chính phủ, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo kiến nghị đưa vào nội dung sửa đổi, bổ sung Luật Thủy sản cho phù hợp về thẩm quyền, đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật.	sản trên biển. Để thực hiện chính sách này, cần quy định tỷ lệ sử dụng lao động tối thiểu tại địa phương trong các dự án nuôi trồng thủy sản trên biển. 2. Về chính sách hỗ trợ 01 lần chi phí duy tu, sửa chữa tàu cá vỏ thép: Chính sách này đã được thực hiện tại Nghị định 67/2014/NĐ-CP. Tại dự thảo Nghị định này, chỉ chuyển phương thức thực hiện từ hỗ trợ theo chứng từ, hoá đơn sang hỗ trợ 01 lần.
6.	Ý kiến của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hồ Đức Phớc:		
	Điều 9. Hỗ trợ chi phí đào tạo, nâng cao năng lực chuyên môn 3. Nội dung chi và mức chi đào tạo, nâng cao năng lực chuyên môn, hướng dẫn kỹ thuật được thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức. 4. Hằng năm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát, xác định nhu cầu, tổ chức đào tạo, nâng cao năng lực chuyên môn, hướng dẫn các đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều này.	Điều 9. Tại mục 1: Về hỗ trợ chi phí đào tạo, nâng cao năng lực chuyên môn tại Điều 9 dự thảo Nghị định: Tại Văn bản số 9470/BTC-NSNN ngày 06/9/2023, Bộ Tài chính đã đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi nội dung này theo hướng giao các địa phương chủ động quyết định nội dung chi, mức chi đào tạo, nâng cao năng lực chuyên môn, hướng dẫn kỹ thuật phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương. Mặt khác, đối tượng được hỗ trợ là người lao động làm việc tại các cơ sở kinh doanh, không hưởng lương từ NSNN nên không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức. Vì vậy, đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp thu ý kiến của Bộ Tài chính; theo đó sửa đổi khoản 3 Điều 9 dự thảo Nghị định theo hướng giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định	Bộ Nông nghiệp và PTNT xin tiếp thu và chỉnh sửa tại khoản 3 và 4 Điều 9 dự thảo Nghị định, cụ thể như sau: “Điều 9. Hỗ trợ chi phí đào tạo, nâng cao năng lực chuyên môn 3. <i>Mức chi, nội dung chi, kinh phí thực hiện và tổ chức thực hiện theo Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 28/9/2015 về quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng.</i> 4. <i>Hằng năm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát, xác định nhu cầu, xây dựng kế hoạch, trình phê duyệt và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, hướng dẫn các đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều này.”</i>

		mức chi, nội dung chi đào tạo, nâng cao năng lực chuyên môn phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.	
		Tại điểm c, mục 3. Về quy định chuyển tiếp: Bộ Tài chính đề nghị bỏ quy định tại khoản 3 Điều 20 dự thảo Nghị định về ngân sách nhà nước tiếp tục hỗ trợ kinh phí mua bảo hiểm trong suốt thời gian vay vốn của chủ tàu theo quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP. Chính sách hỗ trợ chi phí bảo hiểm đề nghị thực hiện theo quy định tại dự thảo Nghị định (sau khi được ban hành chính thức và có hiệu lực).	Bộ Nông nghiệp và PTNT đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định và xin giải trình như sau: Để đảm bảo hiệu quả chính sách, bảo toàn vốn vay của Ngân hàng, việc duy trì chính sách hỗ trợ mua bảo hiểm trong suốt thời gian vay vốn của chủ tàu cá tham gia chính sách theo quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP là rất cần thiết. Điều này cũng được Ngân hàng Nhà nước có ý kiến tại một số văn bản và đưa vào dự thảo.
7	Ý kiến của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Thống đốc Nguyễn Thị Hồng		
	Điều 14. Trách nhiệm của các Bộ, ngành 3. Bộ Tài chính: a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan báo cáo cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thường xuyên để thực hiện các chính sách theo quy định tại Nghị định này. b) Trên cơ sở kết quả thực hiện các chế độ, chính sách quy định tại Điều 8, Điều 10, Điều 11, Điều 12 Nghị định này do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo, Bộ Tài chính xem xét hỗ trợ từ ngân sách trung ương cho từng địa phương theo cơ chế hỗ trợ quy định tại khoản 4 Điều 13 Nghị định này. 4. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: a) Tổ chức thực hiện và chỉ đạo các ngân hàng thương mại triển khai thực hiện các nội dung liên quan đến ngành ngân hàng quy định tại Nghị định này. b) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung liên quan đến	1. Đối với dự thảo Nghị định ghi ngày 12/12/2023: Theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định 67 (đã sửa đổi, bổ sung), Bộ Tài Chính được giao nhiệm vụ hướng dẫn cpw chế cấp bù lãi suất thực hiện chính sách tín dụng quy định tại Điều 4 Nghị định 67; Khoản 4 Điều 13 dự thảo Nghị định quy định “Ngân sách Trung ương cấp bù lãi suất cho các NHTM cho vay để đóng mới, nâng cấp tàu khai thác...tại Điều 18, 19 Nghị định này”. Tuy nhiên, dự thảo Nghị định gửi xin ý kiến không có nội dung quy định trách nhiệm của cơ quan thẩm quyền hướng dẫn, thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện cấp bù lãi suất. Việc này sẽ gây ra rất nhiều khó khăn, vướng mắc, bất cập cho việc thực hiện cấp bù lãi suất cho các NHTM. Trong khi từ năm 2014 đến nay, việc hướng dẫn,	Bộ Nông nghiệp và PTNT đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định và xin giải trình như sau: Tại Điều 40 Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công đã quy định cấp bù lại suất đối với các ngân hàng thương mại, trong đó quy định trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước và quy định trình tự lập, thẩm định báo cáo tổng hợp nhu cầu cấp bù lại suất. Đồng thời, tại Điều 44 Nghị định 40/2020/NĐ-CP cũng quy định trách nhiệm phân bổ chi tiết vốn đầu tư công, trong đó có cấp bù lãi suất. Theo đó, không thể giao cho Bộ Tài chính nhiệm vụ hướng dẫn cơ chế cấp bù lãi suất thực hiện chính sách tín dụng mà cần quy định nhiệm vụ này theo hướng Ngân hàng Nhà nước tổng hợp

ngành ngân hàng, đề xuất biện pháp xử lý để tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai.	thực hiện thanh toán, quyết toán tiền hỗ trợ lãi suất theo Nghị định số 67 được thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính (gồm hồ sơ thanh quyết toán và quy trình thực hiện) và Bộ Tài chính cũng chính là đơn vị thực hiện thanh toán, quyết toán các khoản tiền HTLS đã phát sinh mà các NHTM đã thanh toán cho khách hàng. Do vậy, đề nghị Bộ NN&PTNT căn cứ các quy định của pháp luật liên quan và Nghị định của Chính phủ quy định chức năng các Bộ, ngành có liên quan để bổ sung quy định giao Bộ Tài chính là cơ quan chịu trách nhiệm hướng dẫn, thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện cấp bù lãi suất tại dự thảo Nghị định thay thế Nghị định 67 làm căn cứ để các bên liên quan thực thi chính sách.	nhu cầu và phân bổ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định nhu cầu và giám sát sự phân bổ vốn đầu tư công.
	2. Đối với dự thảo Nghị định ghi ngày 25/9/2023: Điểm a khoản 4 Điều 14 dự thảo Nghị định giao Ngân hàng Nhà nước Việt Nam “<i>hướng dẫn, dẫn, kiểm tra, giám sát việc cấp bù lãi suất do thực hiện chính sách tín dụng đóng mới, nâng cấp tàu</i>”, Thành viên Chính phủ <u>không nhất trí</u> đối với nội dung này do: + Tại các lần xin ý kiến chính thức bằng văn bản, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gửi các Bộ, ngành, địa phương trong đó có Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đều không có nội dung này tại các dự thảo Nghị định đính kèm hồ sơ xin ý kiến. + Việc quản lý, thanh toán, quyết toán và giám sát việc sử dụng vốn ngân sách nhà nước là nhiệm vụ của Bộ Tài chính. Nghị định 40/2020/NĐ- CP quy định do vậy việc giao nhiệm vụ này cho NHNN là không phù hợp.	

	+ Từ năm 2014 đến nay, việc hướng dẫn, thực hiện thanh, quyết toán tiền hỗ trợ lãi suất theo Nghị định 67 được thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính (gồm hồ sơ thanh quyết toán và quy trình thực hiện) và Bộ Tài chính cũng chính là đơn vị thực hiện thanh toán, quyết toán các khoản tiền HTLS đã phát sinh mà các NHTM đã thanh toán cho khách hàng, do vậy việc thay đổi theo hồ sơ, trình tự mới là không thực hiện được. Ngoài việc cấp bù lãi suất theo Nghị định 67, thời gian qua Bộ Tài chính cũng là đơn vị hướng dẫn và thực hiện tạm cấp, thanh toán, quyết toán tiền cấp bù lãi suất từ ngân sách nhà nước cho các ngân hàng thương mại khi triển khai các chương trình tín dụng khác có hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước. Trong quá trình triển khai các chính sách chưa phát sinh khó khăn vướng mắc liên quan, cụ thể các chương trình như sau: (i) Chính sách cho vay hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp theo Quyết định 68/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Bộ Tài chính ban hành Thông tư 89/2014/TT-BTC hướng dẫn hỗ trợ lãi suất vay vốn và cấp bù chênh lệch lãi suất do thực hiện chính theo Quyết định 68/2013/QĐ-TTg. (ii) Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ và chương trình cho vay tín dụng đầu tư các nhà máy đường theo Quyết định số 28/2004/QĐ-TTg ngày 04/3/2004 của Thủ tướng Chính phủ đều quy định Bộ Tài chính là cơ quan chủ trì, đầu mối hướng dẫn và thực hiện cấp bù lãi suất cho các ngân hàng thương mại.	
--	---	--

	+ Bên cạnh đó, hiện nay Bộ Tài chính đang được Phó Thủ tướng Lê Minh Khái giao chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan rà soát, kiểm tra làm rõ nguyên nhân và trách nhiệm của các cơ quan liên quan trong việc chưa cân đối bố trí vốn đầy đủ để thực hiện cấp bù lãi suất cho các NHTM theo quy định và xác định chính xác số tiền NSNN còn nợ và số dự kiến còn phải cấp bù lãi suất trong giai đoạn 2021-2025 (bao gồm cả chương trình cấp bù theo Nghị định 67), đây là nhiệm vụ gắn với công tác thanh toán quyết toán tiền HTLS cho các NHTM, do vậy việc giao nhiệm vụ này sang cơ quan khác là không phù hợp với chỉ đạo của Phó Thủ tướng. + Việc lập dự toán, thanh toán, quyết toán liên quan đến ngân sách nhà nước là một trong các nhiệm vụ phải thực hiện theo thủ hành chính. Theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật hiện hành (khoản 4 Điều 14), một trong những hành vi bị nghiêm cấm là quy định thủ tục hành chính trong Thông tư của Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, do đó, đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - cơ quan chủ trì soạn thảo Nghị định cần quy định cụ thể nội dung này tại dự thảo Nghị định phù hợp với chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao của các Bộ, ngành, địa phương. Từ thực tế nêu trên, đề nghị Bộ NN&PTNT giao Bộ Tài chính tiếp tục hướng dẫn, thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện cấp bù lãi suất tại dự thảo Nghị định thay thế Nghị định 67 làm căn cứ để các bên liên quan thực thi chính sách.	
--	---	--

		3. Theo quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật hiện hành (khoản 4 Điều 14), Thông tư của Thủ trưởng cơ quan ngang bộ không được quy định thủ tục hành chính. Do đó, đề nghị bổ sung quy trình, hồ sơ, thủ tục hành chính của việc cấp bù lãi suất tại dự thảo Nghị định để các đơn vị liên quan có căn cứ thực hiện.	Bộ Nông nghiệp và PTNT đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định và xin làm rõ như sau: Trình tự, thủ tục thực hiện việc cấp bù lãi suất thực hiện theo pháp luật về đầu tư công (Luật Đầu tư công, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công...)
Điều 18. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ đối với các khoản cho vay đóng mới, nâng cấp tàu cá 4. Chính sách này áp dụng đối với cả trường hợp khoản vay của chủ tàu đã được ngân hàng thương mại cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành; không áp dụng đối với khoản vay của các tàu cá được hưởng chính sách hỗ trợ một lần sau đầu tư theo quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 và các Nghị định sửa đổi, bổ sung. 5. Hồ sơ xác nhận rủi ro do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng a) Đơn đề nghị xác nhận rủi ro do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng của chủ tàu (theo mẫu tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Nghị định này); b) Bản sao Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá; c) Bản sao sổ danh bạ thuyền viên; d) Các tài liệu, chứng cứ thể hiện nguyên nhân, hậu quả rủi ro do các nguyên nhân khách quan, bất khả kháng mà tàu cá, chủ tàu gặp phải. 6. Trình tự, thủ tục xác nhận: Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với đơn vị có liên quan tổ chức thẩm định hồ sơ, ban	4. Qua rà soát và căn cứ tình hình thực tế, đề nghị bỏ đoạn “<i>Chính sách này áp dụng đối với cả trường hợp khoản vay của chủ tàu đã được ngân hàng thương mại cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ do ảnh hưởng bởi dịch Covid - 19 trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành</i>” tại khoản 4 Điều 18 dự thảo Nghị định do: + Thời điểm đề nghị nội dung trên đề sửa đổi, bổ sung Nghị định 67 là năm 2021, hiện nay đã không còn phù hợp khi chính sách cơ cấu lại thời hạn trả nợ giữ nguyên nhóm nợ cho khách hàng do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 đã hết hiệu lực thi hành; Bộ Tài chính đã quyết toán xong tiền cấp bù hỗ trợ lãi suất cho các NHTM đến hết năm 2021. + Tại Công văn số 13727/BTC-TCNH ngày 13/12/2023 của Bộ Tài chính báo cáo Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái liên quan đến việc bố trí nguồn để cấp bù lãi suất cho các NHTM, Bộ Tài chính cũng đề xuất không ban hành chính sách cấp bù lãi suất để cho phép các nợ đã cơ cấu lại thời hạn trả nợ do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 được cấp bù lãi suất do: (i) đã hết thời hạn thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ giữ nguyên nhóm nợ cho khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 (30/6/2022); (ii) chưa bố trí được nguồn ngân	Bộ Nông nghiệp và PTNT xin tiếp thu và chỉnh sửa theo hướng bỏ khoản 4 Điều 18 tại dự thảo Nghị định.	

	hành giấy xác nhận (theo mẫu tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định này) đến chủ tàu/người đại diện và ngân hàng thương mại nơi chủ tàu vay vốn đóng mới, nâng cấp tàu để xem xét cơ cấu lại thời gian trả nợ. Trường hợp chủ tàu/người đại diện không đủ điều kiện xác nhận, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	sách nhà nước; (iii) số tiền cấp bù do nguyên nhân Covid-19 là không nhiều (1,9 tỷ đồng).	
	Điều 14 4. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: a) Tổ chức thực hiện và chỉ đạo các ngân hàng thương mại triển khai thực hiện các nội dung liên quan đến ngành ngân hàng quy định tại Nghị định này. b) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung liên quan đến ngành ngân hàng, đề xuất biện pháp xử lý để tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai.	5. Khoản 4 Điều 14 dự thảo Nghị định đề nghị viết lại như sau để phù hợp đúng với chức năng nhiệm vụ của NHNN: <i>“a) Chỉ đạo các ngân hàng thương mại triển khai thực hiện các nội dung liên quan đến ngành ngân hàng quy định tại Điều 18, Điều 19 tại Nghị định này.</i> <i>b) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương kiểm tra, giám sát việc cho vay của các ngân hàng thương mại theo quy định tại Nghị định này, đề xuất biện pháp xử lý để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai”.</i>	Bộ Nông nghiệp và PTNT xin tiếp thu và chỉnh sửa khoản 4 Điều 14 dự thảo Nghị định, cụ thể như sau: “4. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: a) <i>Tổng hợp nhu cầu cấp bù lãi suất quy định tại khoản 4 Điều 20 Nghị định này và theo pháp luật về đầu tư công; chỉ đạo các ngân hàng thương mại triển khai thực hiện các nội dung liên quan đến ngành ngân hàng.</i> <i>b) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương kiểm tra, giám sát việc cho vay của các ngân hàng thương mại theo quy định tại Nghị định này, đề xuất biện pháp xử lý để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai.”</i>